

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY  
116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH – LÊ CHÂN – HẢI PHÒNG

MST : 0200815578

---

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ III**  
**NĂM 2013**





## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính quý 3 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

### **CÔNG TY**

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22/07/2013.
- Trụ sở chính của Công ty:  
Địa chỉ : Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng  
Điện thoại : (031)3 854 626  
Fax : (031)3 782 326
- Hoạt động chính của Công ty: Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Môi giới hợp đồng hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính; Kinh doanh bất động sản.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2013, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính .

### **SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính quý 3 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong giai đoạn hoạt động trên và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Bà Mai Trang	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Hưng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Vũ Văn Cảnh	Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó giám đốc
Ông Phạm Văn Mạn	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trung Độ	Phó giám đốc

#### **Ban kiểm soát**

Bà Phùng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Trọng Cường	Thành viên
Bà Bùi Thị Trà	Thành viên

## **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Vũ Văn Cảnh**  
**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013


ĐVT: VND

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	31/12/2012
<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>683.573.667.554</b>	<b>251.817.624.194</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>312.363.068.147</b>	<b>40.939.228.027</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		312.363.068.147	40.939.228.027
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>145.835.447.934</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	145.835.447.934	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125.968.212.464</b>	<b>118.050.563.121</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		4.292.600.000	51.708.027.857
2. Trả trước cho người bán	132		37.875.148.204	12.714.550.954
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	83.800.464.260	53.627.984.310
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>98.810.568.409</b>	<b>88.696.135.277</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.4	98.810.568.409	88.696.135.277
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>596.370.600</b>	<b>4.131.697.769</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152			2.125.028.324
3. Ký quỹ	153			2.006.669.445
4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		596.370.600	
<b>B. Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>43.629.546.222</b>	<b>263.428.718.793</b>
<b>I. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc</b>				
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>5.5</b>	<b>3.570.080.521</b>	<b>2.517.384.825</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		3.570.080.521	2.517.384.825
- Nguyên giá	222		4.704.229.525	3.309.363.530
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.134.149.004)	(791.978.705)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227			
- Nguyên giá	228		27.168.000	27.168.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.168.000)	(27.168.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.6</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>260.824.447.934</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		40.000.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258			260.824.447.934
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>59.465.701</b>	<b>86.886.034</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	59.465.701	86.886.034
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>727.203.213.776</b>	<b>515.246.342.987</b>

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	30/09/2013	31/12/2012
<b>A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>253.092.259.313</b>	<b>145.064.326.605</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>253.092.259.313</b>	<b>145.064.326.605</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.8		
2. Phải trả cho người bán	312		128.191.021.930	77.671.080.073
3. Người mua trả tiền trước	313		14.368.654.610	10.031.054.610
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	5.9	1.727.783.019	234.858.640
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			1.120.000.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.10	100.204.986.472	47.244.020.000
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.11	8.599.813.282	8.763.313.282
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
<b>B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>474.110.954.463</b>	<b>370.182.016.382</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.12	<b>474.110.954.463</b>	<b>370.182.016.382</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		382.499.480.000	224.999.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14.270.000.000	14.336.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.183.151.000	5.183.151.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.494.600.000	
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		68.663.723.463	125.663.055.382
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>727.203.213.776</b>	<b>515.246.342.987</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
<b>Chỉ tiêu</b>			<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
5. Ngoại tệ các loại (USD)	N05		413.484,68	500,25



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2013

  
**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Kế toán trưởng



**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế đến 30/09/ năm	
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>115.805.322.544</b>	<b>108.652.850.343</b>	<b>321.612.185.920</b>	<b>347.211.497.954</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ</b>					
- Chiết khấu thương mại					
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại					
- Thuế tiêu thụ ĐB, thuế xuất khẩu phải nộp					
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>5.13</b>	<b>115.805.322.544</b>	<b>108.652.850.343</b>	<b>321.612.185.920</b>	<b>347.211.497.954</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>5.14</b>	<b>98.854.101.795</b>	<b>88.845.426.529</b>	<b>267.577.636.251</b>	<b>280.324.891.737</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>		<b>16.951.220.749</b>	<b>19.807.423.814</b>	<b>54.034.822.669</b>	<b>66.886.606.217</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>5.15</b>	<b>17.292.955</b>	<b>721.698.121</b>	<b>191.995.719</b>	<b>1.278.764.427</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>5.16</b>	<b>47.331.172</b>	<b>246.491.155</b>	<b>1.193.633.528</b>	<b>4.054.089.317</b>
- Trong đó: Lãi vay phải trả		28.734.570		1.043.072.320	
<b>8. Chi phí bán hàng</b>		<b>830.455.538</b>	<b>969.287.500</b>	<b>2.115.539.381</b>	<b>2.227.350.498</b>
<b>9. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		<b>984.466.628</b>	<b>391.382.435</b>	<b>2.506.895.239</b>	<b>2.630.884.457</b>
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>		<b>15.106.260.366</b>	<b>18.921.960.845</b>	<b>48.410.750.240</b>	<b>59.253.046.372</b>
<b>11. Thu nhập khác</b>				<b>13.000.001</b>	
<b>12. Chi phí khác</b>		<b>70.000.000</b>		<b>194.547.411</b>	
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>		<b>-70.000.000</b>		<b>-181.547.410</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>		<b>15.036.260.366</b>	<b>18.921.960.845</b>	<b>48.229.202.830</b>	<b>59.253.046.372</b>
<b>15. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.17</b>		<b>118.801.714</b>		<b>258.068.291</b>
<b>16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>					
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>		<b>15.036.260.366</b>	<b>18.803.159.131</b>	<b>48.229.202.830</b>	<b>58.994.978.081</b>



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2013

**Hồ Thị Xuân Hoà**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013  
(Theo phương pháp gián tiếp)- Lũy kế từ đầu năm

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012	Từ 01/01/2013 đến 30/09/2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	<b>01</b>	<b>48,229,202,830</b>	<b>59,253,046,372</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	339,938,340	385,457,381
- Các khoản dự phòng	3		391,783,339
- Các khoản dự phòng hoàn nhập	3		(391,783,339)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	187,551,022	4,047,514,317
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(114,547,412)	
- Chi phí lãi vay	06	1,339,872,605	
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	<b>08</b>	<b>49,982,017,385</b>	<b>63,686,018,070</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(13,196,126,862)	(45,792,621,019)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	3,858,910,192	(10,114,433,132)
- Tăng, giảm các khoản phải trả ( không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp )	11	87,422,398,598	72,869,485,419
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	203,201,922	27,420,333
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1,195,983,716)	
- Thuế TNDN đã nộp	14	(1,280,397,281)	143,016,577
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,188,843,717	2,374,333,445
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4,660,492,654)	(531,164,000)
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>123,322,371,301</b>	<b>82,662,055,693</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	<b>21</b>		(1,439,940,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác.	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(299,500,000,000)
4. Tiền thu nơi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	6,000,000,000	443,489,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(52,460,000,000)	
6. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	56,449,791	1,278,764,427
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(46,403,550,209)</b>	<b>143,827,824,427</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		44,933,960,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	17,000,000,000	
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(39,519,554,000)	
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu.	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(22,519,554,000)</b>	<b>44,933,960,000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>54,399,267,092</b>	<b>271,423,840,120</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4,565,415,921</b>	<b>40,939,228,027</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>58,964,683,013</b>	<b>312,363,068,147</b>



**Vũ Văn Cảnh**  
Giám đốc

**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng

## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0203004289 ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp, Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 mã số doanh nghiệp: 0200815578 ngày 22 /07/ 2013.

Vốn Điều lệ: 382.499.480.000 đồng

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 là 20 người.

### **1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đúc sắt thép;
- Đúc kim loại màu;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơmooc và bán rơmooc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất ô tô xe máy;
- Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải: Thiết bị xe có động cơ, rơ mooc và bán rơ mooc;
- Bán lẻ, đại lý ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Vận tải hàng hoá bằng ô tô chuyên dụng;
- Môi giới hợp đồng hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ tài chính;
- Kinh doanh bất động sản.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đồng Việt Nam ( VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

## **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**



### **3.1 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### **3.2 Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy vi tính.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo Tài chính:

### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo Tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo Tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **4.2 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân di động. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### **4.4 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu : Theo giá gốc.

### **4.5 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05-25
Máy móc và thiết bị	6-10
Thiết bị văn phòng	3-10
Phương tiện vận tải	6-10
Tài sản khác	4-25

#### **4.6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

##### **- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, lãi tỷ giá hối đoái. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **4.7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính.**

Chi phí tài chính bao gồm : Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay lãi vay phải trả, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

#### **4.8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các bên góp vốn.

#### **4.9 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã được góp bằng tiền theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

##### **Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.



**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối :**

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh sai sót trngj yếu của các năm trước. Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**4.10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ, việc thoả mãn các tiêu chuẩn Cơ sở kinh doanh của người tàn tật và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Tiền mặt	302,198,489,175	1,524,970,017
Tiền gửi ngân hàng	10,164,578,972	10,414,258,010
Các khoản tương đương tiền		29,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>312,363,068,147</b>	<b>40,939,228,027</b>

**5.3 Các khoản phải thu khác**

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Chi phí của Dự án nhà ở thu nhập thấp (*)	83,800,464,260	53,543,006,041
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		84,978,269
<b>Tổng cộng</b>	<b>83,800,464,260</b>	<b>53,627,984,310</b>

(\*) Phản ánh các khoản đã chi liên quan đến dự án Khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại Xã An Đồng, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng ( xem thuyết minh số 5.17 dưới đây)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2013

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

**5.4 Hàng tồn kho**

	30/09/2013	31/12/2012
Nguyên liệu, vật liệu	11,115,498,336	18,574,949,860
Thành phẩm		
Hàng hóa	13,999,056,851	3,287,775,543
Hàng gửi bán	73,696,013,222	66,833,409,874
Chi phí sản lập dự án An Đông		
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>98,810,568,409</b>	<b>88,696,135,277</b>

**5.5 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình.	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2013	3,031,972,727	277,390,803	3,309,363,530
<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>1,439,940,000</b>		1,439,940,000
Mua trong kỳ	1,439,940,000		1,439,940,000
<b>Giảm trong kỳ</b>		45,074,005	45,074,005
Thanh lý, nhượng bán			-
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>4,471,912,727</b>	<b>232,316,798</b>	4,704,229,525
<b>Hao mòn lũy kế</b>			-
Tại ngày 01/01/2013	621,920,475	170,058,230	791,978,705
Khấu hao trong kỳ	348,822,935	36,634,446	385,457,381
Thanh lý, nhượng bán		43,287,082	43,287,082
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>970,743,410</b>	<b>163,405,594</b>	1,134,149,004
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2013	2,410,052,252	107,332,573	2,517,384,825
<b>Tại ngày 30/09/2013</b>	<b>3,501,169,317</b>	<b>68,911,204</b>	3,570,080,521
			-
<b>Tài sản cố định vô hình</b>			-
Nguyên giá tại ngày 01/01/2013			-
Hao mòn lũy kế đến ngày 30/09/2013			-
Giá trị còn lại đến ngày 30/09/2013			-

**5.6 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn.**

	30/09/2013	31/12/2012
Khoản đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần thương mại Hưng Việt		260,824,447,934
- Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	40,000,000,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>40,000,000,000</b>	<b>260,824,447,934</b>

Thẻ hiện khoản đầu tư góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02 ngày 31 tháng 12 năm 2011 số tiền góp vốn theo hợp đồng 300.000.000.000 VNĐ ( Ba trăm tỷ đồng ) mục đích góp vốn vào Công ty cổ phần



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2013

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

thương mại Hưng Việt để cùng nhau hợp tác kinh doanh thực hiện dự án “Golden land Building”. Thời hạn hợp đồng 03 năm kể từ ngày 01/01/2012 đến 31/12/2014. Công ty đã góp vốn đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh trên là 260.824.447.934 đồng tuy nhiên theo nghị quyết đại hội cổ đông số 02-NQĐHCT ngày 05/02/2013 được cổ đông thông qua định hướng dừng việc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, xin rút vốn từ hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, chấp nhận không hưởng lãi để tập trung nguồn lực kinh doanh cho công ty. Trong kỳ Công ty đã thực hiện rút 114.989.000.000 đồng tại ngày 30/09/2013 số tiền đầu tư còn lại là 145.835.447.934.

Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt được lập thành ngày 21/07/2006 và đang quản lý dự án xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại dịch vụ nhà ở GOLDENLAND –BUILDING. Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt là Công ty chịu sự kiểm soát của ông Đỗ Hữu Hạ cũng đồng thời là cổ đông có quyền kiểm soát đối với Công ty.

Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang được thành lập ngày 21/09/2013 do sở kế kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp mã số doanh nghiệp 0201312898 với số vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng trong đó Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy góp vốn là 80.000.000.000 đồng tính đến ngày 30/09/2013 Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ Hoàng Huy đã góp được 40.000.000.000 đồng.

**5.7 Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Tại ngày 01/01/	86,886,034	145,608,366
Tăng trong kỳ	12,000,000	70,260,407
Kết chuyển vào chi phí sản xuất trong	(39,420,333)	(128,982,739)
Tại ngày 30/09/2012	<b>59,465,701</b>	<b>86,886,034</b>

**5.9 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Thuế GTGT	1,604,481,305	84,978,240
Thuế nhập khẩu		141,630,400
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		
Thuế TNDN	118,801,714	3,750,000
Thuế thu nhập cá nhân	4,500,000	4,500,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,727,783,019</b>	<b>234,858,640</b>

**5.10 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/09/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47,793,018,000	47,074,020,000
Phải trả Công ty Đại Lợi	170,000,000	170,000,000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	1,173,035,856	
Đã bù trừ dự án An Đồng - với Cty Pruska (**)	51,064,432,616	
Thuế thu nhập cá nhân	4,500,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,204,986,472</b>	<b>47,244,020,000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2013

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

(\*) Như trình bày tại thuyết minh số 5.18 phần thuyết minh báo cáo tài chính, ngày 15/12/2010 Công ty TNHH Pruksa International đã ứng trước tiền cho Công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

(\*\*) Trong quý 3 Công ty đã thực hiện quyết toán một phần các chi phí với Công ty TNHH Pruksa Việt Nam trong việc thực hiện dự án Nhà thu nhập thấp tại xã An Đồng.

**5.11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	30/09/2013	31/12/2012
Quỹ khen thưởng	5,879,243,522	5,927,243,522
Quỹ phúc lợi	2,720,569,760	2,836,069,760
<b>Tổng cộng</b>	<b>8,599,813,282</b>	<b>8,763,313,282</b>

**5.12 Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND
Tại ngày 31/12/2012	224,999,810,000	14,336,000,000	5,183,151,000	125,663,055,382	370,182,016,382
Lãi trong kỳ				58,994,978,081	58,994,978,081
Trích quỹ	157,499,670,000	(66,000,000)		(115,994,310,000)	41,439,360,000
Quỹ dự phòng vốn điều lệ			3,494,600,000		3,494,600,000
<b>Tại ngày 30/09/2012</b>	<b>382,499,480,000</b>	<b>14,270,000,000</b>	<b>8,677,751,000</b>	<b>68,663,723,463</b>	<b>474,110,954,463</b>

Theo Giấy chứng Đăng ký kinh doanh, vốn Điều lệ của Công ty là 382.499.480.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, vốn Điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Tên cổ đông	Theo giấy chứng nhận ĐKKD		Vốn đã góp đến 30/09/2013	
	VND	%	VND	%
Đỗ Hữu Hạ	54.000.000.000	54%	182.250.000.000	47%
Đỗ Hữu Hậu	23.850.000.000	23,85%	80.493.750.000	21%
Mai Trang	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Đỗ Hữu Hưng	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Nguyễn Thị Hà	4.050.000.000	4,05%	13.668.750.000	4%
Cổ đông khác	10.000.000.000	10%	78.749.480.000	20%
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>382.499.480.000</b>	<b>100%</b>



	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2012</b>
		<b>VND</b>
<b>5.13 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu cung cấp hàng hóa	345,590,748,619	319,684,090,913
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1,620,749,335	1,928,095,007
<b>Tổng cộng</b>	<b>347,211,497,954</b>	<b>321,612,185,920</b>
<b>5.14 Giá vốn</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2012</b>
		<b>VND</b>
Giá vốn của hàng hóa	278,957,909,414	265,819,478,593
Giá vốn của dịch vụ	1,366,982,323	1,757,884,657
<b>Tổng cộng</b>	<b>280,324,891,737</b>	<b>267,577,363,250</b>
<b>5.15 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2012</b>
		<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	795,751,927	56,449,791
Thu lãi từ hoạt động cho vay	476,437,500	135,545,928
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	6,575,000	
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,278,764,427</b>	<b>191,995,719</b>
<b>5.16 Chi phí tài chính</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2012</b>
		<b>VND</b>
Lãi vay phải trả		1,043,072,320
Chênh lệch tỷ giá	4,054,089,317	150,561,208
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,054,089,317</b>	<b>1,193,633,528</b>
<b>5.17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2012</b>
		<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	59,253,046,372	48,229,202,831
Thu nhập chịu thuế	59,253,046,372	48,229,202,831
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (25%)	14,813,261,593	12,057,300,708
Miễn thuế TNDN theo ưu đãi	(14,555,193,302)	(12,057,300,708)
Thuế TNDN	258,068,291	

(\*) Giảm thuế theo Điều kiện miễn giảm thuế cho “Cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật” theo Quyết định số 2206/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng ngày 22/12/2008 về việc công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh của người tàn tật và các quy định hiện hành.

#### **5.18 Cam kết góp vốn Liên doanh**

Ngày 10/08/2009, Công ty đã ký kết Hợp đồng Liên doanh với Công ty TNHH Prukca International dự kiến thành lập Công ty TNHH Prukca Việt Nam để thực hiện dự án nhà thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Theo đó, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty TNHH Prukca Việt Nam lần lượt là

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2013

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

15.000.000 USD và 85.000.000 USD ( trong đó, tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy và Công ty TNHH Prukca International lần lượt là 15% và 85% ).

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 02121000342 ngày 12/07/2010, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 để thực hiện dự án nhà ở cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng. Tổng mức đầu tư của dự án là 949.573.000.000 đồng ( trong đó, vốn tự có là 277.998.000.000 đồng, vốn vay và vốn tự huy động là 672.575.000.000 đồng), chứng chỉ quy hoạch số 143/CCQH ngày 25/10/2010 do Sở Xây dựng Thành phố Hải Phòng cấp, theo đó diện tích đất dự kiến sử dụng là 21,15 ha.

**5.19 Giao dịch với bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Mua hàng hoá, dịch vụ 13.390.730.591

Giá trị hàng hoá dịch vụ đã cung cấp

**Công ty cổ phần thương mại Hưng Việt**

Giá trị đầu tư góp vốn

**6. PHÂN TÍCH CHI TIÊU KINH DOANH THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ.**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động theo khu vực địa lý và báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này là:

\* Miền bắc : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Bắc.

\* Miền Trung : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Trung

\* Miền Nam : Doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ của các tỉnh miền Nam

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau.

Doanh thu	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	30/09/2013	30/09/2013	30/09/2013	
Doanh thu hàng hóa	111,144,381,355	155,197,818,175	79,248,549,089	345,590,748,619
Doanh thu dịch vụ	1,620,749,335			1,620,749,335
<b>Tổng cộng</b>	<b>112,765,130,690</b>	<b>155,197,818,175</b>	<b>79,248,549,089</b>	<b>347,211,497,954</b>

Giá vốn của hàng hóa dịch vụ	Miền bắc	Miền Trung	Miền Nam	Tổng cộng
	30/09/2013	30/09/2013	30/09/2013	
Giá vốn của hàng hóa	90,703,210,054	121,397,888,967	66,856,810,393	278,957,909,414
Giá vốn của dịch vụ	1,366,982,323			1,366,982,323
<b>Tổng cộng</b>	<b>92,070,192,377</b>	<b>121,397,888,967</b>	<b>66,856,810,393</b>	<b>280,324,891,737</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân

Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2013

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

<b>Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	
Lợi nhuận gộp từ hàng hóa	20,441,171,301	33,799,929,208	12,391,738,696	66,632,839,205
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	253,767,012			253,767,012
<b>Tổng cộng</b>	<b>20,694,938,313</b>	<b>33,799,929,208</b>	<b>12,391,738,696</b>	<b>66,886,606,217</b>

-

**Các khoản phải thu ngắn hạn**

<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	
Phải thu của khách hàng	2,138,500,000	1,028,100,000	1,126,000,000	4,292,600,000
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	<b>Tổng cộng</b>
		<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	
Trả trước cho người bán			37,875,148,204	37,875,148,204

**Các khoản phải trả ngắn hạn**

<b>Khách hàng trả tiền trước</b>	<b>Miền bắc</b>	<b>Miền Trung</b>	<b>Miền Nam</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	
Khách hàng trả tiền trước	2,484,654,610	8,221,000,000	3,663,000,000	14,368,654,610
<b>Phải trả cho người bán</b>		<b>DN nước ngoài</b>	<b>DN trong nước</b>	<b>Tổng cộng</b>
		<b>30/09/2013</b>	<b>30/09/2013</b>	
Phải trả cho người bán		128,177,221,930	13,800,000	128,191,021,930

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Sự kiện sau ngày khoá sổ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

**7.2 Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh cùng kỳ năm trước trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy từ Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 30/09/2012.

**7.3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận quý 3 năm 2012 so với quý 3 năm 2013.**

Lợi nhuận quý 3 năm 2013 đạt được là 18.803.159.131VNĐ so với cùng kỳ quý 3 năm 2012 tăng 3.766.898.765 VNĐ tương ứng với mức tăng trưởng lợi nhuận đạt được là 125%.

Lợi nhuận của 9 tháng đầu năm đạt được là 58.994.978.081 VNĐ so với cùng kỳ 9 tháng năm 2012 tăng 10.765.775.250 VNĐ tương ứng với mức tăng lợi nhuận đạt được là 122%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân  
Thành phố Hải Phòng, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Quý 3 năm 2013

Kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đề đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước, lợi nhuận tăng >20% ban lãnh đạo Công ty đã thành công trong việc sử dụng vốn có hiệu quả, mở rộng thị trường, triển khai thêm 1 số sản phẩm ô tô mới, tăng doanh thu, tiết kiệm chi phí tài chính đặc biệt là chi phí lãi vay.



**Vũ Văn Cảnh**

**Giám đốc**

Hải Phòng, ngày 16 tháng 10 năm 2013

**Hồ Thị Xuân Hoà**

**Kế toán trưởng**